

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 11 (huyện Bảo Lạc)

Phần D.I - Quản lý hành chính nhà nước

Ngày thi: 09/10/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Thị Anh	7,50	Bảy phẩy năm	40	Trịnh Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm
2	Lê Minh Châu	8,00	Tám	41	Mã Thị Kiều	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Vi Xuân Chiêu	8,00	Tám	42	Bé Thị Lan	8,00	Tám
4	Hoa Văn Chương	7,00	Bảy	43	Hà Thị Lệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Bé Văn Cừ	8,00	Tám	44	Hoàng Văn Lén	8,00	Tám
6	Nguyễn Thị Diên	8,00	Tám	45	Nông Thúy Liễu	7,25	Bảy phẩy hai năm
7	Nông Văn Diệp	8,00	Tám	46	Triệu Dùn Lụa	8,00	Tám
8	Lục Đức Doanh	7,50	Bảy phẩy năm	47	Lục Thị Lương	7,25	Bảy phẩy hai năm
9	Nông Bằng Du	7,50	Bảy phẩy năm	48	Tô Thị Luyên	8,00	Tám
10	Hoàng Lương Dũng	8,00	Tám	49	Diêu Thị Mai	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Lê Thùy Dương	7,50	Bảy phẩy năm	50	Tô Thị Mai	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Nông Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	51	Nguyễn Thị Mạnh	8,00	Tám
13	Tô Thị Đào	8,25	Tám phẩy hai năm	52	Hoàng Thị Minh	8,00	Tám
14	Nguyễn Duy Đạo	7,75	Bảy phẩy bảy năm	53	Đoàn Thị Mùi	8,00	Tám
15	Hoàng Quốc Đạt	7,50	Bảy phẩy năm	54	Hoàng Thị Nga	8,00	Tám
16	Nguyễn Thúy Diệp	8,00	Tám	55	Ma Văn Ngoạt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Lương Văn Đông	8,00	Tám	56	Tô Thị Nguyệt	7,25	Bảy phẩy hai năm
18	Hoàng Quyết Được	7,50	Bảy phẩy năm	57	Lãnh Thị Nhâm	7,25	Bảy phẩy hai năm
19	Mê Thị Hạnh		Thôi học	58	Nông Hồng Như	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Đinh Thị Hậu	8,00	Tám	59	Tô Hồng Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
21	Nông Thị Hiền	8,00	Tám	60	Lý Hồng Quang	8,00	Tám
22	Linh Thị Hiền	8,00	Tám	61	Lãnh Văn Quanh	7,00	Bảy
23	Diêu Thị Hiên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Nông Phúc Sơn	8,00	Tám
24	Lục Văn Hiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	63	Trương Thị Thân	6,50	Sáu phẩy năm
25	Nguyễn Thị Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	64	Hoàng Văn Thêm	7,00	Bảy
26	Lục Văn Hoan	8,00	Tám	65	Vàng Thị Thía	8,00	Tám
27	Tô Văn Hoàng	8,00	Tám	66	Lưu Hồng Thúy	8,00	Tám
28	Ma Văn Hội	7,25	Bảy phẩy hai năm	67	Lê Thị Thùy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Trịnh Thu Huệ	8,00	Tám	68	Nguyễn Thị Hồng Thuyên	7,50	Bảy phẩy năm
30	Nông Thị Minh Huệ	8,00	Tám	69	Triệu Quốc Trịnh	7,00	Bảy
31	Hoàng Thị Kim Huệ	8,00	Tám	70	Hoàng Gia Tự	7,00	Bảy
32	Nguyễn Thị Minh Huệ	8,00	Tám	71	Lục Thanh Tuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
33	Nông Thanh Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	72	Phạm Hà Vân	8,00	Tám
34	Cao Thị Thanh Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	73	Mông Thị Hồng Vân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Nguyễn Thu Hương		Bỏ thi	74	Công Thị Vê	7,75	Bảy phẩy bảy năm
36	Nguyễn Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	75	Lý Thị Xoan	8,00	Tám

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
37	Phạm Thị Thu Hường	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Diêu Văn Xuyên	8,00	Tám
38	Dương Thị Huyền	8,00	Tám	77	Phùng Văn Tập (K05)	7,50	Bảy phẩy năm
39	Hoàng Long Huyền	7,25	Bảy phẩy hai năm				

Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 7,00: 05 điểm; Điểm 7,25: 08 điểm; Điểm 7,50: 11 điểm; Điểm 7,75: 16 điểm; Điểm 8,00: 33 điểm; Điểm 8,25: 01 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa